

Bản án số: 102/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 19-9-2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phạm Thị Thu Vân
- Ông Phan Thành Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:**  
Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** Anh Phạm Thanh L1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp Thanh Đông, xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Chị L có đơn xin vắng mặt, anh L1 vắng mặt không lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2024 cũng như trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh L1 do mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M (nay là huyện B), tỉnh Bến Tre vào ngày 23/01/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Phạm Thanh L, sinh ngày 05/8/2011. Đến năm 2024 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân

từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh L1.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thanh L, sinh ngày 05/8/2011, chị không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

*Anh Phạm Thanh L1 vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.*

*Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 31/7/2024 Phạm Thanh L trình bày: Hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đây là ý kiên tự nguyện của cháu không ai ép buộc.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:*

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L1 cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị L và anh L1 được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thanh L, sinh ngày 05/8/2011, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị L khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2024 của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Thanh L1 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Phạm Thanh L1 có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh L1 đến để tham gia phiên tòa nhưng anh L1 vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L1 và chị L là phù hợp.

### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thanh L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2007 tại UBND xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày (nay là huyện Mỏ Cày Bắc), tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi L anh L1 và chị L đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L1 là phù hợp.

#### 2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thanh L1 có 01 con chung tên Phạm Thanh L, sinh ngày 05/8/2011. Hiện cháu L đang sống với chị L, cháu L cũng có nguyện vọng sống cùng chị L đồng thời chị L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh L1 cũng không có ý kiến gì. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu L không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **[3] Về án phí:**

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ nộp.

**Vì các L trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Thanh L1, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thanh L1 được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thanh L, sinh ngày 05/8/2011, anh Phạm Thanh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị L không yêu cầu.

Anh Phạm Thanh L1 được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002902 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

**Nơi nhân:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã Tân Thanh Tây(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**